

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2017/DS-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2017
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc Vương

2. Ông Hoàng Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước
tham gia phiên tòa:** Ông Dương Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2017/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2017/QĐST-DS ngày 01/9/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông T, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ a, ấp b, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:*

1. Bà K, sinh năm 1966 (vắng mặt)

2. Ông H, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ c, ấp d, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông M, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ a, ấp b, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/5/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn T trình bày:

Ngày 12/12/2016, ông T cho vợ chồng ông H và bà K vay 10.000.000 đồng, việc vay tiền thông qua ông M và được lập thành văn bản có ông H, bà K và ông T ký tên hẹn trong thời hạn 10 ngày sẽ trả cả gốc và lãi, đồng thời ông H và bà K giao

cho ông Tư hai chứng minh nhân dân của ông H, bà K cùng sổ hộ khẩu gia đình nhưng các bên không thỏa thuận lãi suất. Khoảng 05 ngày sau khi vay tiền thì ông H, bà K đến xin mượn lại chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình để vay tiền ngân hàng thì ông T đồng ý và trả lại cho ông bà. Đến hạn trả nợ, ông H và bà K không trả tiền theo thỏa thuận mà cũng không trả lại chứng minh và sổ hộ khẩu gia đình cho ông T. Khoảng 2 đến 3 tháng sau, sau nhiều lần yêu cầu thì bà K, ông H trả cho ông Tư 1.000.000 đồng tiền lãi, còn lại không thực hiện. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà K trả cho ông Tư 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định kể từ ngày 12/12/2016 cho đến ngày Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản tự khai ngày 15/6/2017 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn K trình bày:

Ngày 12/12/2016, bà K có vay của ông M 10.000.000 đồng, việc vay tiền được lập văn bản và vợ chồng bà K, ông H cùng ký tên nhưng bà không có đọc nội dung giấy vay tiền. Sau 10 ngày bà K đã trả cho ông M số tiền 11.000.000 đồng; một thời gian sau bà K tiếp tục vay của ông M 10.000.000 đồng để phục vụ cho mục đích chung của gia đình và do khó khăn gần Tết nên bà K mới trả được cho ông M ba lần, mỗi lần 1.000.000 đồng nhưng vì tin tưởng nên bà không có yêu cầu ông M viết giấy tờ gì. Hiện nay bà K còn nợ lại ông M số tiền 7.000.000 đồng cùng tiền lãi. Trước yêu cầu của ông T thì bà K không đồng ý trả tiền cho ông T mà bà K chỉ chấp nhận trả cho ông M 7.000.000 đồng tiền gốc đã vay và tiền lãi theo lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định và do khó khăn nên bà K xin trả dần.

Tại Bản tự khai ngày 15/6/2017 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan M trình bày:

Ngày 12/12/2016, ông H và bà K có nhờ ông M vay giùm 10.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày và hứa sẽ trả tiền lãi và cho ông M tiền uống cà phê. Ông M đồng ý và gặp ông T trình bày sự việc thì ông T đồng ý cho vay, ông M cầm tiền giao cho ông H, bà K và đưa giấy vay tiền cho ông H, bà K ký tên rồi giao giấy vay tiền cùng chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình của ông H, bà K cho ông T giữ. Sau đó vài ngày, bà K nhờ ông M mượn lại chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu để vay tiền ngân hàng, ông M nói lại với ông T thì ông T đồng ý đưa lại cho ông H, bà K nhưng ông H, bà K không đưa lại chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu cũng như không trả tiền cho ông T. Đến khoảng 2 hoặc 3 tháng sau thì bà K có đưa cho ông M 2.000.000 đồng và nói trả tiền lãi cho ông T 1.000.000 đồng và cho ông M 1.000.000 đồng để uống cà phê, ông M đã đưa lại cho ông T 1.000.000 đồng. Từ đó trở đi ông H, bà K không trả tiền và luôn tránh mặt ông T, ông M. Vì vậy, ông M thống nhất với yêu cầu buộc bà K, ông H trả lại số tiền đã vay của ông T.

Bị đơn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu bà K, ông H trả lại số tiền 10.000.000 đồng đã vay và tiền lãi theo quy định của pháp luật, nếu tiền lãi nhiều hơn 1.000.000 đồng thì ông T không yêu cầu thêm, nếu ít hơn 1.000.000 đồng thì ông T sẽ trả lại cho ông K, bà H.

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuân thủ đúng nhưng bị đơn không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 12/12/2016 có chữ ký của ông H, bà K thể hiện ông bà có vay của ông T số tiền 10.000.000 đồng và bà K cũng thừa nhận chữ ký của mình, bà K cho rằng ký mà không xem nội dung là không có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà K, ông H trả cho ông T số tiền 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Ông T khởi kiện ông H và bà K có nơi cư trú tại tổ c, ấp c, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù, ông H và bà K vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông H, bà K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Ông T yêu cầu bà K và ông H có nghĩa vụ trả số tiền 10.000.000 đồng đã vay theo giấy vay tiền ngày 12/12/2016, bà K cho rằng vay tiền của ông M và chỉ chấp nhận trả 7.000.000 đồng vì bà K đã trả 3.000.000 đồng tiền gốc cho ông M; ông M xác định ông chỉ đóng vai trò trung gian vay tiền giùm bà K, ông H rồi nhận tiền của ông T đưa cho bà K, ông H. Lời khai của ông M phù hợp với lời khai của ông T và giấy vay tiền ngày 12/12/2016 cùng lời thừa nhận của bà K là có vay của ông M 10.000.000 đồng vào ngày 12/12/2016 nên có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định ngày 12/12/2016 ông T thông qua ông M đã cho ông H và bà K vay 10.000.000 đồng, việc vay tiền được lập văn bản và ông H, bà K cùng ông T ký tên. Bà K cho rằng đã trả 3.000.000 đồng tiền gốc nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh và ông T, ông M không thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận. Tuy ông H không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông T nhưng ông H cùng với bà K ký vay tiền cũng như việc vay tiền nhằm mục đích phục vụ gia đình nên cần

buộc ông H có nghĩa vụ cùng phải trả số tiền đã vay. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc bà K, ông H trả số tiền 10.000.000 đã vay được chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính tiền lãi của ông T: Ông T xác định các bên không thỏa thuận lãi suất và bà K không xác định lãi suất khi vay nên lãi suất ông T yêu cầu chỉ được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản được áp dụng từ ngày 01/12/2010 cho đến nay là 9%/năm tương đương 0,75%/tháng và thời gian bà K, ông H vay tiền của ông T từ ngày 12/12/2016 đến ngày 26/9/2017 là 09 tháng 16 ngày nên số tiền lãi sẽ là 715.000 đồng. Bà K xác định không có trả lãi cho ông T nhưng ông T và ông M xác định bà K đã trả 1.000.000 đồng tiền lãi, lời thừa nhận của ông T và ông M có lợi này cho bà K, ông H nên cần xác định bà K, ông H đã trả cho ông T 1.000.000 đồng tiền lãi cũng như tại phiên tòa ông T xác định nếu tiền lãi ít hơn 1.000.000 đồng thì ông T đồng ý trả lại phần dư cho ông H, bà K nên số tiền 285.000 đồng được trừ vào số tiền gốc mà ông H, bà K phải trả cho ông T.

Đối với yêu cầu trả dân của bà K, ông T không đồng ý cho bà K, ông H trả dân cũng như việc các đương sự thỏa thuận về việc thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được điều chỉnh bởi pháp luật về thi hành án dân sự, thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng ông M xác định bà K cho ông uống cà phê để trả công ông M đi vay giùm cho bà K, ông H nhưng bà K không có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà K có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết khi có yêu cầu và điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông H và bà K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các điều 35, 39, 92, 147, 227, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 471, 474, 476, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của ông T, tuyên xử:

1. Buộc ông H và bà K có nghĩa vụ trả cho ông T 9.715.000 (chín triệu, bảy trăm mười lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Ông H và bà K phải chịu 485.750 (bốn trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng án phí dân sự có giá ngạch. Ông T không phải chịu án phí được trả lại số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012151 ngày 02/6/2017.

3. Ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông M, H và bà K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Nhum